

# TÍNH CHẤT ĐỀN BÙ CỦA HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

TS. BÙI ĐĂNG HIẾU\*

Tính chất đền bù lợi ích được coi là một trong những đặc trưng cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự. Tính chất đền bù đó được thể hiện một cách rõ nét nhất trong chế định hợp đồng dân sự. Hợp đồng mang tính đền bù là những hợp đồng mà trong đó một bên sau khi thực hiện nghĩa vụ cho bên đối tác sẽ nhận được những lợi ích vật chất ngược lại từ phía bên kia. Việc phân tích tính chất đền bù giúp xác định bản chất pháp lí của từng hợp đồng, từ đó áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp phát sinh một cách chuẩn xác.

Dựa vào tính chất đền bù mà hợp đồng dân sự được chia thành ba nhóm: 1) Nhóm các hợp đồng luôn không đền bù; 2) Nhóm các hợp đồng có thể đền bù hoặc không đền bù; 3) Nhóm các hợp đồng luôn đền bù. Việc xếp mỗi hợp đồng thuộc nhóm nào dựa trên các quy phạm định nghĩa được quy định trong Bộ luật dân sự.

Nhóm thứ nhất - Các hợp đồng luôn không đền bù, bao gồm hợp đồng tặng cho tài sản và hợp đồng mượn tài sản. Điều 465 BLDS năm 2005 quy định: "*Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, còn bên được tặng cho đồng ý nhận*". Qua định nghĩa đó ta nhận thấy hợp đồng tặng cho tài sản là hợp đồng hoàn toàn vì lợi ích của bên được tặng

cho. Bên được tặng cho chỉ tiếp nhận tài sản mà không phải thực hiện nghĩa vụ nào mang lại lợi ích vật chất cho bên kia. Nếu một hợp đồng nào đó mang tên "Hợp đồng tặng cho tài sản" mà trong đó các bên thỏa thuận với nhau rằng "bên A tặng cho bên B chiếc đồng hồ với điều kiện bên B phải tặng cho lại bên A chiếc xe đạp" thì hợp đồng đó phải được coi là hợp đồng trao đổi tài sản chứ không phải hợp đồng tặng cho. Cũng xuất phát từ tính chất không đền bù này mà pháp luật của một số quốc gia quy định rằng đối với bên được tặng cho thì không yêu cầu phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (bởi lẽ bên được tặng cho chỉ tiếp nhận lợi ích mà thôi).

Có một loại hợp đồng tặng cho đặc biệt - đó là hợp đồng tặng cho có điều kiện. Khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2005 quy định: "*1. Bên tặng cho có thể yêu cầu bên được tặng cho thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ dân sự trước hoặc sau khi tặng cho*". Có thể khẳng định rằng hợp đồng tặng cho có điều kiện cũng phải mang tính chất không đền bù. Điều kiện trong hợp đồng tặng cho có điều kiện phải là những công việc không mang lại lợi ích (cả vật chất lẫn tinh thần) cho bên tặng cho. Ví dụ: A tặng cho B con bò với điều kiện rằng trước khi nhận B phải sửa lại chuồng bò của mình cho chắc chắn, C tặng cho D chiếc xe máy với điều kiện sau đó D không được

\* Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo  
Trường Đại học Luật Hà Nội

bán xe máy đó đi... Nếu điều kiện đó mang lại lợi ích cho bên tặng cho thì hợp đồng sẽ không được coi là hợp đồng tặng cho nữa. Ví dụ: A tặng cho B chiếc xe đạp với điều kiện B phải quét vôi lại nhà cho A (Hợp đồng này sẽ được coi là hợp đồng dịch vụ có trả công dịch vụ bằng hiện vật chứ không phải là hợp đồng tặng cho tài sản và khi phát sinh tranh chấp sẽ phải áp dụng các quy định đối với hợp đồng dịch vụ để giải quyết).

Đối với hợp đồng mượn tài sản thì Điều 512 BLDS năm 2005 quy định: “*Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, còn bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được*”. Tính chất không đền bù của hợp đồng mượn tài sản thể hiện ở chỗ bên mượn không phải trả tiền cho việc sử dụng tài sản mượn đó. Nếu một hợp đồng mặc dù có tên gọi là “Hợp đồng mượn tài sản” nhưng trong đó các bên lại thỏa thuận về khoản tiền mà bên mượn phải trả cho việc sử dụng tài sản (Ví dụ: A cho B mượn xe máy và B phải trả 200 ngàn đồng/1 tháng cho việc sử dụng xe máy đó) thì hợp đồng đó phải được coi là hợp đồng thuê tài sản và khi phát sinh tranh chấp cần phải áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng thuê tài sản để giải quyết.

Nhóm thứ hai - Các hợp đồng có thể đền bù hoặc không đền bù. Đó là: hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền và hợp đồng gửi giữ tài sản.

Đối với hợp đồng vay tài sản, Điều 471 BLDS 2005 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó*

*bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Tính chất đền bù của hợp đồng vay tài sản thể hiện ở việc trả lãi. Theo tinh thần của Điều 471 BLDS năm 2005 thì hợp đồng vay tài sản sẽ không đền bù nếu như các bên không có thỏa thuận gì về việc trả lãi. Việc trả lãi được coi là ngoại lệ và chỉ được áp dụng nếu như trong hợp đồng có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Trong trường hợp các bên chỉ thỏa thuận về việc trả lãi nhưng chưa xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ (khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005).

Hợp đồng ủy quyền cũng có tính chất đền bù hoặc không đền bù, tương tự như hợp đồng vay tài sản. Tính chất đền bù của hợp đồng ủy quyền được thể hiện ở việc trả thù lao. Sau khi thực hiện công việc được bên ủy quyền giao phó, bên được ủy quyền sẽ được hưởng lợi ích ngược lại dưới hình thức tiền thù lao. Điều 581 BLDS năm 2005 quy định: “*Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, còn bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Điều đó có nghĩa rằng theo nguyên tắc chung thì hợp đồng ủy quyền không đền bù. Bên được ủy quyền chỉ được nhận tiền thù lao nếu như các bên có thỏa thuận trong hợp đồng về điều đó hoặc pháp luật có quy định.

Hợp đồng gửi giữ tài sản cùng thuộc

nhóm thứ hai - nhóm các hợp đồng có thể đền bù hoặc không đền bù. Nhưng ngược lại với hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền, trong hợp đồng gửi giữ tài sản thì nguyên tắc chung là có đền bù. Tính chất đền bù của hợp đồng gửi giữ được thể hiện thông qua tiền công cho bên giữ tài sản. Trường hợp hợp đồng gửi giữ không đền bù được coi là ngoại lệ. Điều 559 BLDS năm 2005 quy định: *“Hợp đồng gửi giữ tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên giữ nhận tài sản của bên gửi để bảo quản và trả lại chính tài sản đó cho bên gửi khi hết thời hạn hợp đồng, còn bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ, trừ trường hợp gửi giữ không phải trả tiền công”*. Nếu các bên không có thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả tiền công thì khi phát sinh tranh chấp, bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ và khi đó mức tiền công được xác định theo mức tiền công trung bình tại địa điểm và thời điểm trả tiền công (khoản 2 Điều 566 BLDS năm 2005).

Tại sao trong các quy định của BLDS năm 2005 lại có sự khác biệt như vậy giữa hợp đồng gửi giữ với hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền?

Theo pháp luật của nhà nước La Mã thì cả ba loại hợp đồng này (hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền và hợp đồng gửi giữ tài sản) đều mang tính chất không đền bù. Hợp đồng vay tài sản *“được tiến hành dựa trên sự thân quen và không lấy lãi suất”*.<sup>(1)</sup> Nếu các bên muốn cho vay có lãi thì lại cần phải thực hiện bổ sung thêm một giao dịch nữa nhằm xác nhận nghĩa vụ trả lãi và lãi suất thỏa thuận khi đó không được vượt quá mức lãi suất cao nhất do pháp luật quy định. Hợp đồng gửi giữ và hợp đồng ủy quyền

trong pháp luật La Mã cũng mang tính chất không đền bù. Theo quan niệm của người La Mã thì các công việc giữ gìn, bảo quản tài sản cho nhau hay công việc đại diện cho nhau xác lập giao dịch với người thứ ba (trong hợp đồng ủy quyền) được thực hiện dựa trên sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Đòi tiền cho các công việc đó là điều khó chấp nhận được, khi đó chuyển sang hợp đồng thuê khoán việc. Thông thường các bên của hợp đồng ủy quyền này đều thuộc tầng lớp giàu có, do đó việc trả tiền công được hiểu như sự xúc phạm chính người thực hiện công việc ủy quyền. Tuy nhiên, sẽ là lẽ thông thường nếu như bên được ủy quyền nhận quà (merces) cảm ơn của bên ủy quyền. Quà này hoàn toàn có thể mang giá trị vật chất. Dần dần hình thức quà tặng này được biến dạng sang loại khác - honor - một hình thức trung gian giữa quà tặng với tiền công bằng hiện vật.

Phải chăng pháp luật Việt Nam quy định hợp đồng gửi giữ, theo nguyên tắc chung là có đền bù (ngược hẳn với hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, là bởi vì trong xã hội Việt Nam ngày nay hợp đồng gửi giữ chuyên nghiệp (với mục đích lợi nhuận) chiếm đa số, vì rằng trong hợp đồng gửi giữ bên giữ luôn phải bỏ chi phí ra để bảo quản, giữ gìn tài sản trong suốt thời gian gửi giữ. Cách giải thích này có thể chưa được trọn vẹn và cần sự nghiên cứu bổ sung thêm. Cũng không loại trừ trường hợp sự khác biệt đó được tạo nên một cách tình cờ trong quá trình soạn văn bản pháp luật.

Nhóm thứ ba và cũng là nhóm phổ biến nhất - Các hợp đồng luôn đền bù. Đó là: hợp

đồng mua bán tài sản, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng vận chuyển.

Tính chất đền bù của hợp đồng mua bán thể hiện ở chỗ: Sau khi bàn giao tài sản mua bán thì bên bán sẽ nhận được lợi ích ngược lại dưới dạng tiền mua mà bên mua phải thanh toán. Tính chất đền bù của hợp đồng trao đổi được thể hiện bởi tài sản mà mỗi bên nhận được sau khi bàn giao tài sản của mình cho bên kia. Đối với hợp đồng mua bán và hợp đồng trao đổi mà trong đó các bên thỏa thuận không phải trả tiền mua (hoặc không phải bàn giao tài sản ngược lại trong hợp đồng trao đổi tài sản) thì khi đó sẽ trái với bản chất pháp lý của hai loại hợp đồng đó. Hợp đồng khi đó sẽ có bản chất của hợp đồng tặng cho tài sản và khi phát sinh tranh chấp sẽ áp dụng quy định đối với hợp đồng tặng cho tài sản để giải quyết.

Tính chất đền bù của hợp đồng thuê tài sản thể hiện ở việc trả tiền thuê. Điều 480 BLDS năm 2005 có quy định mang tính chất bắt buộc rằng “... còn bên thuê phải trả tiền thuê”. Nếu hợp đồng thuê mà trong đó các bên có thỏa thuận rằng không phải trả tiền thuê thì hợp đồng đó sẽ được coi là hợp đồng mượn tài sản, chứ không phải hợp đồng thuê tài sản.

Vấn đề trở nên phức tạp khi phân tích đến các hợp đồng luôn đền bù thuộc nhóm có đối tượng là công việc phải thực hiện: Hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng vận chuyển. Các quy định của BLDS năm 2005 về bốn loại hợp đồng này đều thể hiện rõ tính chất luôn đền bù của chúng. Đối với hợp đồng dịch vụ thì Điều 518 BLDS năm 2005 quy định: “..., còn bên

*thuê dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ*”. Đối với hợp đồng gia công thì Điều 547 BLDS năm 2005 quy định: “... còn bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền”. Đối với hợp đồng vận chuyển hành khách thì Điều 527 BLDS năm 2005 quy định: “..., còn hành khách phải thanh toán cước phí vận chuyển”. Đối với hợp đồng vận chuyển tài sản thì Điều 535 BLDS năm 2005 quy định: “..., còn bên thuê vận chuyển có nghĩa vụ trả cước phí vận chuyển.”. Đối với hợp đồng bảo hiểm thì Điều 567 BLDS năm 2005 quy định: “Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, ...”.

Với các quy định bắt buộc về tính đền bù của bốn loại hợp đồng nêu trên thì sẽ phát sinh vấn đề cần giải quyết: Vậy trong những trường hợp khi các bên thỏa thuận với nhau về tính chất không đền bù (thỏa thuận rằng bên thuê dịch vụ hay bên thuê gia công không phải trả tiền công, rằng bên mua bảo hiểm không phải đóng phí bảo hiểm, hành khách hoặc bên thuê vận chuyển tài sản không phải trả cước phí vận chuyển) thì sao?

Có ba phương án giải quyết vấn đề này:

- 1) Không chấp nhận chúng là hợp đồng dân sự;
- 2) Coi đó là loại hợp đồng khác (sẽ có tên gọi khác) với bốn loại hợp đồng nêu trên;
- 3) Chấp nhận bốn loại hợp đồng này có thể cả đền bù lẫn không đền bù (thuộc nhóm thứ hai).

Phương án thứ nhất hoàn toàn không hợp lý. Sự thỏa thuận đó của các bên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự và sự thỏa thuận đó phải được coi là hợp đồng dân sự. Nguyên tắc cơ bản của việc giao kết hợp đồng là các bên được quyền tự do lựa chọn loại hợp đồng mình giao kết. Sự tự do lựa

chọn đó không hề phụ thuộc vào việc loại hợp đồng mà các bên giao kết đó đã được pháp luật quy định hay chưa. Các bên có quyền giao kết với nhau những hợp đồng không thuộc bất cứ loại nào trong số 12 loại hợp đồng dân sự thông dụng mà BLDS năm 2005 đã quy định.

Phương án thứ hai (coi đó là loại hợp đồng khác với tên gọi khác hẳn bốn loại hợp đồng nêu trên) chỉ có thể chấp nhận được nếu như chúng ta định hình rõ nét được sự khác nhau cơ bản giữa các hợp đồng mới mang tính chất không đền bù với bốn loại hợp đồng đã được quy định (giống như định hình sự khác biệt giữa hợp đồng thuê tài sản với hợp đồng mượn tài sản). *Ví dụ*: Nếu giữ nguyên tính chất luôn đền bù của hợp đồng gia công thì khi các bên thỏa thuận rằng bên đặt gia công không phải trả tiền công thì sẽ dẫn tới hậu quả pháp lí gì khác biệt so với hợp đồng gia công thông thường? Hơn thế nữa, những sự khác biệt (có thể tìm thấy đó) đã đủ để định hình nên một loại hợp đồng mới hoàn toàn hay chưa?

Phương án thứ ba (chấp nhận bốn loại hợp đồng này có thể cả đền bù lẫn không đền bù) được coi là phương án giản tiện và hợp lí hơn cả. Theo đó các hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, hợp đồng vận chuyển (vận chuyển tài sản và vận chuyển hành khách) và hợp đồng bảo hiểm sẽ được chuyển sang nhóm thứ hai - Nhóm các hợp đồng có thể đền bù hoặc không đền bù. Nếu chấp nhận phương án này thì cần chỉnh sửa lại các quy định tại các Điều 518, Điều 527, Điều 535, Điều 547, Điều 567 BLDS năm 2005 theo hướng bổ sung thêm cụm từ "*trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có*

*quy định khác*" về việc không phải trả tiền công (cước phí vận chuyển, phí bảo hiểm).

Tính chất đền bù có ảnh hưởng trực tiếp tới việc xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Theo quy định của pháp luật thời La Mã, nếu như hợp đồng gửi giữ không đền bù (không phải trả tiền công gửi giữ) thì bên giữ không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi vô ý nhẹ của mình gây ra (lỗi vô ý nhẹ -culpa levis, là những lỗi do thiếu kinh nghiệm hay không đủ trình độ gây ra, những lỗi mà chỉ có những người chủ tốt mới không phạm phải). Thế nhưng đối với hợp đồng gửi giữ có đền bù thì bên giữ phải chịu trách nhiệm đối với cả lỗi vô ý nhẹ. Cũng theo pháp luật La Mã, bên thuê trong hợp đồng thuê tài sản có nghĩa vụ bảo quản giữ gìn tài sản thuê "như tài sản của chính mình", trong khi đó bên mượn trong hợp đồng mượn tài sản không những phải có ý thức bảo quản giữ gìn tài sản mượn như của chính mình, mà còn phải có ý thức giữ gìn "như một chủ nhân tốt" nữa (trách nhiệm nâng cao hơn).

Sự ảnh hưởng của tính chất đền bù tới quyền và nghĩa vụ của các bên cũng được thể hiện trong các quy định của pháp luật Việt Nam. Ví dụ như: bên cho thuê trong hợp đồng thuê chỉ được đòi lại tài sản thuê khi hết hạn thuê (khoản 4 Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2005) nhưng trong hợp đồng mượn tài sản thì bên cho mượn lại được đòi lại tài sản mượn trước thời hạn mặc dù bên mượn chưa đạt được mục đích mượn của mình (khoản 1 Điều 517 Bộ luật dân sự năm 2005)/.

---

(1). Luật La Mã, dịch từ nguyên bản Giáo trình Luật La Mã của Đại học Tổng hợp Warszawa - Ba Lan, thành phố Hồ Chí Minh 1999, người dịch: Lê Nét, tr. 165.